

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Chai phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 8 - 2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Cải

Bà Lò Thị Ánh Ngọc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lò Thị Hòa - **Thư ký** Tòa án nhân dân huyện Đ,
tỉnh Điện Biên;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia
phiên tòa:** Bà Phan Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh
Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự
thụ lý số: 125/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2024 về "Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
44/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn
phiên tòa số: 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các
đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Lò Thị X**, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Bản P, xã N, thành
phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông **Lò Văn Đ1**, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Bản L, xã T,
huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. **Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2024 và trong quá trình giải quyết
vụ án Nguyên đơn trình bày:**

Về hôn nhân: Bà Lò Thị X và ông Lò Văn Đ1 đăng ký kết hôn tại Ủy
ban nhân dân xã Thanh Luông, huyện Đ, tỉnh Điện Biên ngày 25/12/2014, kết
hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng thường
xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông Điện không quan tâm đến gia đình, con cái, hay
to tiếng, hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng
quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa
giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 08/2020
cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Bà X thấy tình cảm vợ chồng không

còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà X yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Điện.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lò Bảo N - sinh ngày 27/11/2015, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Nguyễn ở với bà X, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Bà X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về quan hệ tài sản: Bà X không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lò Văn Đ1 trình bày: Không.

3. Nguyện vọng của cháu Lò Bảo N: Nếu bố, mẹ ly hôn cháu Nguyễn có nguyện vọng được ở cùng với mẹ vì mẹ nuôi dưỡng, quan tâm, chăm sóc cháu còn bố hay hút thuốc, ít quan tâm đến cháu.

4. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, **khoản 1, 3 Điều 228** Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 69 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lò Thị X được ly hôn với ông Lò Văn Đ1.

- Về con chung: Giao con chung cháu Lò Bảo N - sinh ngày 27/11/2015 cho bà Lò Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà X và ông Điện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn ông Lò Văn Đ1 có nơi đăng ký thường trú: Bản L, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Do trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Lò Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Lò Văn Đ1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lò Thị X và ông Lò Văn Đ1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Luông, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, theo Giấy chứng nhận kết hôn số [87/2014](#), [quyển số 01/2013](#), ngày [25/12/2014](#) nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa bà X và ông Điện đã được Trưởng Bản L, xã T, huyện Đ và Trưởng Bản P, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xác nhận (Bút lục số 51, 52, 60, 61). Do vậy, bà X và ông Điện đã sống ly thân, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không còn sống chung cùng nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X và giải quyết cho bà X được ly hôn với ông Điện.

[3.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của bà X và xác nhận của chính quyền địa phương có đủ căn cứ xác định, bà X, ông Điện có một con chung là Lò Bảo N - sinh ngày 27/11/2015; vợ chồng không có con nuôi, con riêng. Bà X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung.

Xét điều kiện nuôi con của bà X: Bà X làm ruộng ngoài ra còn làm thuê có thu nhập đủ để nuôi con, có chỗ ở ổn định. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Nguyễn luôn sống cùng bà X, trong quá trình chăm sóc, nuôi con bà X không vi phạm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, quyền lợi của con chung được bảo đảm.

Xét điều kiện nuôi con của ông Điện: Ông Điện trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do, không trình bày nguyện vọng về người trực tiếp nuôi con.

Nguyện vọng của cháu Nguyễn: Tại đơn trình bày nguyện vọng đề ngày 02/3/2024 và Biên bản lấy ý kiến của người chưa thành niên từ đủ 7 tuổi trở lên ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, cháu Nguyễn có nguyện vọng ở cùng với mẹ.

Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi bà X, ông Điện sống ly thân thì con chung là cháu Nguyễn đều do bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian bà X chăm sóc, nuôi dưỡng con chung bà X không vi phạm về quyền, nghĩa

vụ của cha mẹ đối với con. Để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu Nguyễn và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu, cần giao cháu Nguyễn cho bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo quyền lợi cho cháu Nguyễn.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà X, ông Điện không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về quan hệ tài sản: Bà X, ông Điện không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị X.

1. Về hôn nhân: Bà Lò Thị X được ly hôn với ông Lò Văn Đ1.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Bảo N, sinh ngày 27/11/2015 cho bà Lò Thị X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Nguyễn đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về quan hệ tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lò Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà X đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000213 ngày 28/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Bà X đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- **UBND xã Thanh Lương, H. Điện Biên;**
- Lưu: KT, VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng